

Bản án số: 58/2017/HSST
Ngày 31 - 3 - 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chương
2. Bà Nguyễn Thị Nga

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên Thành phố Hải Phòng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 31/2017/HSST ngày 23 tháng 02 năm 2017 đối với bị cáo:

A sinh năm 1985, tại Hải Phòng; Địa chỉ: Khu 6, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Con ông D và bà E (đều đã chết); Có vợ là F sinh năm 1990 và có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền sự: Không; Quá trình: Bản án số 143/HSST ngày 20 tháng 6 năm 2002 bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử 5 năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Ra tù ngày 21 tháng 11 năm 2006; Tiền án: Bản án số 06/HSST ngày 25 tháng 02 năm 2010 bị Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xử phạt 09 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, thời hạn tính từ ngày 29 tháng 9 năm 2010 (chưa xóa án tích). Bản án số 12/HSST ngày 13 tháng 05 năm 2013 bị Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xử 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (tài sản chiếm đoạt trị giá 10.000.000 đồng), thời hạn tù tính từ ngày 20 tháng 01 năm 2011. Ra tù ngày 20 tháng 7 năm 2012 (chưa được xóa án tích). Bản án số 13/HSST ngày 06 tháng 3 năm 2013 bị Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng xử 42 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (tài sản trộm cắp trị giá 12.600.000 đồng),

thời hạn từ tính từ ngày 24 tháng 11 năm 2012 (chưa được xóa án tích); Bị tạm giam từ ngày 31 tháng 10 năm 2016; Có mặt.

Người bị hại:

- Anh G sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn 31, xã H, huyện N, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo A bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do cần tiền chi tiêu nên A nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 28 tháng 10 năm 2016, A một mình đi xe ôm của một người đàn ông không quen biết từ Ngã Năm, quận I, thành phố Hải Phòng đến khu vực chợ thuộc Thôn 13, xã H, huyện N. Hiệp một mình đi lang thang trong khu vực Thôn 13 xã H xem có nhà nào sơ hở thì trộm cắp. Khi đi qua nhà anh G, thấy cổng khóa, trong sân dựng 01 xe mô tô nhãn hiệu SH, 01 xe mô tô nhãn hiệu Airblade màu sơn đen. A trèo qua tường bao vào sân, thấy cửa lách nhà dưới thông lên nhà trên không đóng cửa, A đi vào trong nhà, tới một phòng ngủ ở tầng 1 lấy 02 chùm chìa khóa, đồng hồ để trên mặt bàn kiểu học sinh đút vào túi quần bên phải. Quan sát thấy trên ghế có vắt 01 quần dạng vải tối màu, A dùng tay lục trong túi quần lấy được 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 6700 màu vàng, số tiền 1.650.000 đồng rồi đút vào túi quần bên trái. A đi ra hướng cổng, dùng một chìa khóa vừa lấy được mở cánh cổng bên tay trái hướng nhìn từ cổng vào rồi đút cả ổ khóa, chìa khóa vào túi quần của mình. A quay lại vị trí dựng 02 xe mô tô, dắt lùi chiếc xe SH ra ngoài cổng. A dùng một chìa khóa vừa trộm cắp được mở khóa điện xe SH thì thấy còi báo động kêu lên. A vội tắt máy đi thì xe không kêu nữa. A lại tiếp tục mở khóa điện, tay trái bóp phanh để nổ máy, nhưng xe vẫn không khởi động được, còi báo động lại tiếp tục kêu. Nghe thấy còi báo động của xe kêu, anh G chạy ra, nhìn thấy A đang mở khóa xe của mình thì hô hoán. A sợ hãi bỏ xe chạy về phía đường liên thôn xã H khoảng 400 mét thì bị anh G, anh V, anh Y, anh Z bắt giữ giao cho cơ quan Công an lập biên bản giải quyết. Anh G đã nhận lại toàn bộ tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Ngày 28 tháng 10 năm 2016 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thủy Nguyên kết luận 01 xe mô tô nhãn hiệu SH 125i màu sơn đen, biển số 15G1-409.11 trị giá 60.000.000 đồng; 01 đồng hồ đeo tay nam nhãn hiệu Essence màu đen bạc đã qu sử dụng trị giá 200.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 6700 màu vàng trị giá 800.000 đồng.

Bản cáo trạng số 49/CT-VKS ngày 20 tháng 02 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên thành phố Hải Phòng đã truy tố A về tội "Trộm cắp tài sản" theo Điểm c, e Khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên luận tội và đề nghị kết tội các bị cáo theo toàn bộ nội dung Cáo trạng đã truy tố: Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm e,c Khoản 2 Điều 138, Điểm p Khoản 1, Điều 46, Điều 33 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 04 đến 05 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31 tháng 10 năm 2016. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự và Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại Nokia 1202 màu đen đã qua sử dụng và số tiền 48.000 đồng của bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bởi: Biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang; Lời khai của người bị hại; Lời khai của người làm chứng; Bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa nên có đủ căn cứ kết luận: bị cáo đã hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản trị giá 62.650.000 đồng của người bị hại. Với hành vi nêu trên bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự. Do tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị 62.650.000 đồng và bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý nên bị cáo phải bị xét xử theo Điểm c, e Khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự với tình tiết định khung hình phạt là “Tái phạm nguy hiểm” và “Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng”.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội nên cần thiết phải có hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo.

Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, tính chất vụ án và quyết định hình phạt, xét thấy: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn và buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam trong một thời hạn nhất định mới đủ để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

Khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự quy định bị cáo còn có thể bị phạt tiền, xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Đã được giải quyết xong ở giai đoạn điều tra người bị hại không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Các vật chứng cần xử lý gồm: 01 điện thoại và số tiền 48.000 đồng của bị cáo tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng Điểm c,e Khoản 2 Điều 138, Điểm p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo A 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28 tháng 10 năm 2016.

- Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, xử lý các vật chứng đã chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản và phiếu nhập kho ngày 20 tháng 02 năm 2017 và Biên lai thu tiền số 0007258 ngày 20 tháng 02 năm 2017, như sau: Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại Nokia 1202 màu đen đã qua sử dụng và số tiền 48.000 đồng để đảm bảo việc thi hành án.

Về án phí: Bị cáo A phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày bản án được giao cho hoặc niêm yết.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- CCTHADS huyện Thủy Nguyên;
- Công an huyện Thủy Nguyên;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo, Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Anh Sơn